

THƯỜNG HIỆU QUYNH *chủ biên*
PHAN ĐẠI ĐOÀN
NGUYỄN CẢNH MINH

ĐẠI CƯƠNG
LỊCH SỬ
VIỆT NAM



Tập I



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
TS TRẦN THỊ MAI**

LỊCH SỬ BANG GIAO VIỆT NAM – ĐÔNG NAM Á

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA
TP HỒ CHÍ MINH - 2007**

MỤC LỤC

Trang

| | |
|---|----|
| CHƯƠNG I: CƠ SỞ HÌNH THÀNH BANG GIAO VIỆT NAM – ĐÔNG NAM Á | 5 |
| I. ĐÔNG NAM Á: MỘT KHU VỰC LỊCH SỬ – VĂN HÓA SỚM, LIÊN TỤC PHÁT TRIỂN VỚI BẢN SẮC RIÊNG | 5 |
| II. TÍNH TẤT YẾU CỦA MỐI BANG GIAO VIỆT NAM – ĐÔNG NAM Á | 14 |
| CÂU HỎI ÔN TẬP | 16 |
| CHƯƠNG II: BANG GIAO VIỆT NAM – ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI | 17 |
| I. BANG GIAO VIỆT NAM – ĐÔNG NAM Á Ở BUỔI ĐẦU DỰNG NƯỚC | 17 |
| II. BANG GIAO VIỆT NAM – ĐÔNG NAM Á TRONG THỜI KỲ VIỆT NAM BỊ PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC ĐÔ HỘ | 25 |
| III. BANG GIAO VIỆT NAM – CHÂN LẬP | 31 |
| IV. BANG GIAO VIỆT NAM – LÀO | 41 |
| V. BANG GIAO VIỆT NAM – THÁI LAN | 47 |
| VI. BANG GIAO VIỆT NAM – MIẾN ĐIỆN | 54 |
| VII. BANG GIAO VIỆT NAM VỚI KHU VỰC CÁC NƯỚC HẢI ĐẢO ĐÔNG NAM Á | 56 |
| VIII. MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ MỐI BANG GIAO VN-ĐNA THỜI CỔ – TRUNG ĐẠI | 62 |
| CÂU HỎI ÔN TẬP | 70 |

| | |
|---|-----|
| CHƯƠNG III: BANG GIAO VIỆT NAM – ĐÔNG NAM Á THỜI CẬN ĐẠI | 71 |
| I. ĐÔNG NAM Á TRƯỚC SỰ XÂM NHẬP CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN PHƯƠNG TÂY | 71 |
| II. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA MỐI QUAN HỆ VIỆT NAM – ĐÔNG NAM Á THỜI CẬN ĐẠI | 76 |
| III. BANG GIAO VIỆT NAM – ĐÔNG NAM Á Ở THỜI CẬN ĐẠI | 83 |
| CÂU HỎI ÔN TẬP | 109 |
| CHƯƠNG IV: BANG GIAO VIỆT NAM – ĐÔNG NAM Á THỜI HIỆN ĐẠI | 110 |
| I. NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BANG GIAO VIỆT NAM-ĐÔNG NAM Á THỜI HIỆN ĐẠI | 110 |
| II. SỰ PHÁT TRIỂN TỐT ĐẸP CỦA LIÊN MINH ĐOÀN KẾT CHIẾN ĐẤU VIỆT-LÀO-CAMPUCHIA | 116 |
| III. BANG GIAO VIỆT NAM-ASEAN | 125 |
| 1. VÀI NÉT VỀ ASEAN | 125 |
| 2. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN BANG GIAO | 135 |
| 3. BANG GIAO GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC THÀNH VIÊN ASEAN | 152 |
| CÂU HỎI ÔN TẬP | 178 |
| CHƯƠNG V: MỘT VÀI NHẬN XÉT THAY KẾT LUẬN | 179 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 184 |
| PHỤ LỤC | 188 |

CHÖÔNG I

CƠ SỞ HÌNH THÀNH BANG GIAO VIỆT NAM - ĐÔNG NAM Á

I. ĐÔNG NAM Á: MỘT KHU VỰC LỊCH SỬ - VĂN HÓA SỚM, LIÊN TỤC PHÁT TRIỂN VỚI BẢN SẮC RIÊNG

Ngay từ những năm cuối thế kỷ XIX, khu vực Đông Nam Á đã trở thành đối tượng nghiên cứu của các nhà “Đông Phương học” do tính chất quan trọng và nổi bật về vị trí địa lý mang tính chất chiến lược của nó. Tiếp đó, những khám phá mới về những bước đi đầu tiên của loài người, tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước sôi động cùng với sự xác lập thường xuyên mối liên hệ của khu vực này với thế giới... đã đưa Đông Nam Á trở thành một trong những khu vực có ý nghĩa quan trọng trong toàn bộ lịch sử thế giới. Cho đến nay, mặc dù còn có những ý kiến khác nhau về tiến trình lịch sử cũng như vị trí và vai trò của Đông Nam Á trong lịch sử văn minh nhân loại, song không còn ai nghi ngờ gì nữa về sự hiện diện và quá trình phát triển liên tục với những tính cách hết sức riêng biệt của nó.

1- Nằm trải rộng trên một phần trái đất, từ khoảng 29⁰ kinh đông đến 140⁰ kinh đông và từ khoảng 28⁰ vĩ bắc chạy qua xích đạo đến 15⁰ vĩ nam, Đông Nam Á ngày nay bao gồm 11 nước với 5 nước nằm sâu trong lục địa (Việt Nam, Lào, Campuchia, Mianma và Thái Lan) và 6 nước phân bố ngoài

hải đảo (Malaysia, Indonesia, Singapo, Brunei và Philipin, Đông Timo). Tất cả các nước trong khu vực đều nằm trong vành đai khí hậu nhiệt đới và bị chi phối bởi gió mùa quanh năm. Chính yếu tố gió mùa và khí hậu biển đã tạo nên hai mùa rất rõ rệt ở Đông Nam Á: Mùa mưa bắt đầu từ tháng tư đến tháng 11 dương lịch và mùa nắng từ tháng 11 dương lịch đến tháng tư năm sau. Điều kiện khí hậu thuận hòa tạo cho Đông Nam Á nhiều thuận lợi lớn, đáng kể nhất là một thiên nhiên thống nhất trong đa dạng, một thảm thực vật quanh năm tươi tốt với nhiều sắc thái xen kẽ giữa rừng nhiệt đới, đồi núi, đồng bằng và biển tạo nên cảnh quan đa dạng và rất giàu về tiềm năng. Tề thư của Trung Quốc viết: “Các nước Man di chia nhau lập quốc, của quý không đâu bằng ở đây”.

Vị trí địa lý nối liền giữa phương Đông (thế giới Trung Quốc, Nhật Bản...) và phương Tây (Ấn Độ, Tây Á, Địa Trung Hải) cũng tạo điều kiện cho Đông Nam Á có dịp tiếp xúc và cọ sát với nhiều nền văn minh lớn của nhân loại. Đồng thời qua đó, cư dân Đông Nam Á cũng xây dựng cho mình một nền văn hóa riêng mang bản tính cởi mở và thượng võ. “Không phải ngẫu nhiên mà mối liên hệ của khu vực này với thế giới đã được xác lập thường xuyên trong mấy chục thế kỷ qua. Và cũng không phải ngẫu nhiên mà đã có mặt ở Đông Nam Á những nhà địa lý hay du lịch, những nhà truyền giáo hay ngoại giao của cả phương Đông và phương Tây trong suốt chiều dài lịch sử như Ptôlêmê, Khang Thái, Nghĩa Tĩnh, Marco Polo, Chu Đạt Quan, Ibn Batutah v.v... Họ đã đến đây xem xét, ghi chép và để lại những tài liệu cho đời sau”⁽¹⁾.

¹Xem thêm Lương Ninh - Hà Bích Liên: Lịch sử các nước Đông Nam Á, tập I, tủ sách Khoa Đông Nam Á, Đại học Mở Bán công, TP. Hồ Chí Minh.

2- Kết quả của ngành khảo cổ học trong mấy chục năm gần đây đã kết luận: Đông Nam Á là một trong những cái nôi của loài người. Dấu vết hóa thạch vượn bậc cao được tìm thấy ở Pondaung. (Mianma) có niên đại khoảng 40 triệu năm; hoá thạch người tối cổ được tìm thấy ở Java cách đây khoảng 2 triệu năm; răng người vượn ở Bình Gia (Lạng Sơn-Việt Nam) có niên đại cách đây khoảng 30 vạn năm; nhiều xương cốt của loài người vượn, người tối cổ và của người hiện đại được tìm thấy rải rác ở nhiều nơi ở Đông Nam Á như Solo (Indonesia), Wajak, Hòa Bình, Bắc Sơn... có niên đại muộn hơn một chút v.v... cho thấy sự phát triển mang tính liên tục của quá trình chuyển biến từ vượn người thành người vượn, cũng như của người hiện đại tại khu vực này.

Kỹ nghệ đá tương đương cũng đã được tìm thấy ở nhiều nơi trong khu vực như núi Đọ (Việt Nam), Sungs Mas (Sumatra), ở Tabon, Palawan và Espinôsa (Philippin), v.v...

Cho đến khoảng trên dưới 4000 năm cách đây, Đông Nam Á bắt đầu bước vào thời kỳ sử dụng công cụ kim loại. Kết quả nghiên cứu khảo cổ học ở Việt Nam và các nước ở Đông Nam Á đều cho thấy vào thời đại Đông Sơn - tương ứng với thời đại đồng thau và sắt sớm - cư dân Đông Nam Á đã có một cuộc sống ổn định trên cơ sở nền nông nghiệp trồng lúa nước, và trong nếp sống của từng vùng đã diễn ra sự hội tụ đầu tiên của các yếu tố văn hóa đồng bằng - biển - rừng núi với thể đan xen nhau phức tạp, rồi từ đó mà định hình những truyền thống chung và riêng⁽²⁾

²Tham khảo Cao Xuân Phổ - Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á thời cổ, từ sách "Về lịch sử Đông Nam Á thời cổ", Hà Nội, 1983, tr. 61.

3- Hầu hết các học giả khi nghiên cứu về Đông Nam Á đều nhất trí rằng: vào giai đoạn sớm trong lịch sử loài người, Đông Nam Á đã từng tồn tại một nền văn hóa chung mang tính bản địa và đạt đến trình độ khá cao. Đó là nền văn hóa xây dựng trên những yếu tố:

- **Về phương diện vật chất:** Có khả năng làm ruộng nước do có một tổ chức xã hội đã đạt đến một trình độ nhất định (tổ chức làng xã); biết thuần dưỡng trâu bò phục vụ cho nông nghiệp, biết sử dụng thô sơ kim loại, thành thạo nghề sông nước. Thiết chế xã hội được tổ chức theo chế độ mẫu hệ và lấy làng mạc thôn xóm làm đơn vị cơ sở. Cộng đồng thôn xóm được coi là tổ chức xã hội quan trọng nhất với những truyền thống dân chủ: chọn lựa chức sắc trong làng, cày chung ruộng công, tương thân, tương trợ, v.v...

- **Về phương diện tinh thần:** Có truyền thống thờ tổ tiên trên những nơi cao. Trong tư duy biện chứng sơ khai đã xuất hiện thể lưỡng hợp (âm - dương) và những thiết chế dựa trên tính quan trọng và cả trên tính ưu thế của yếu tố CÁI.

4- Vào những thế kỷ trước và sau công nguyên, cư dân Đông Nam Á, trên cơ sở một nền văn hóa đã định hình và phát triển cao của mình từ trước đó, bắt đầu bước vào quá trình "Dựng nước và giữ nước" trên toàn khu vực. Cũng từ đây, văn hóa Ấn Độ và văn hóa Trung Quốc bắt đầu thâm nhập vào Đông Nam Á. Do sự vận động tự thân bên trong và những tác động từ bên ngoài, ở hầu hết các dân tộc phía Nam (kể cả các dân tộc ngoài hải đảo) trên bước đường hoàn thiện tổ chức nhà nước và xã hội của mình, họ đã tiếp nhận một cách tự nguyện văn hóa Ấn và chịu ảnh hưởng khá lớn của nền văn hóa này. Trong khi đó, đối với Việt

Nam ở phía Bắc, quá trình dựng nước đã diễn ra sớm hơn nhiều so với các nước khác trong khu vực (vào hạ bán thiên niên kỷ thứ nhất trước công nguyên). Quá trình này được thúc đẩy bởi các yếu tố: sự phát triển cao của kỹ thuật trồng lúa nước dựa trên sự phong phú của công cụ đồng và sắt sớm. Sự hợp lực cùng nhau để chống thiên nhiên và làm thủy lợi. Và sự đoàn kết toàn dân để chống lại các cuộc xâm lược từ phương Bắc tràn xuống. Do phải đương đầu với các cuộc xâm lăng từ phương Bắc và sự du nhập mang tính cưỡng bức của văn hóa Hán, nên các dân tộc ở bán đảo Đông Dương, đặc biệt là Việt Nam, đã phần nào tiếp nhận và chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán.

Tuy nhiên, với nền văn hóa bản địa đã định hình sớm, với truyền thống dân chủ và tính cách cởi mở, khoáng đạt trong cách ứng xử, cư dân Đông Nam Á đã tiếp thu văn hóa Ấn, Hoa một cách chủ động và chọn lọc. Sự tiếp thu này thể hiện trên hai phương diện:

- Phương diện tổ chức bộ máy nhà nước: Hầu hết các nhà lãnh đạo ở đây đều muốn tìm đến việc ứng dụng mô hình tổ chức nhà nước đã khá hoàn thiện từ Ấn Độ, Trung Quốc, và cùng với mô hình đó là sự mô phỏng thiết chế xã hội, chủ yếu là chế độ đẳng cấp. Tất nhiên, sự mô phỏng này chỉ về mặt hình thức và tùy tình hình cụ thể của mỗi nhà nước mà sự mô phỏng cũng ở mức độ đậm nhạt khác nhau. Điểm cần nhấn mạnh ở đây là về mặt nội dung, các nhà nước vẫn được xây dựng trên nền tảng chủ đạo đó là tinh thần dân tộc, tính dân chủ và cởi mở của cư dân Đông Nam Á.

- Phương diện tinh thần: Vẫn giữ gìn và bảo lưu những phong tục, tập quán cổ truyền. Đồng thời tiếp nhận

thêm những tinh hoa văn hóa phù hợp với phong tục, tập quán và lối sống riêng. Sự tiếp nhận ở đây chủ yếu là từ tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo. Lễ dĩ nhiên sự tiếp thu ở mỗi nơi cũng mang màu sắc đậm nhạt khác nhau và theo từng cách thức riêng.

5- Vào khoảng các thế kỷ X-XV, Đông Nam Á sau một quá trình “dựng nước và giữ nước” lâu dài đã đồng loạt bước vào giai đoạn xác lập và phát triển thịnh đạt của các quốc gia dân tộc, lấy một bộ tộc đông và phát triển nhất làm nòng cốt. Chính trong giai đoạn này, nền kinh tế của các quốc gia đã đạt đến giai đoạn thịnh vượng nhất kể từ trước đó. Nhiều trung tâm kinh tế quan trọng được thiết lập, có khả năng cung cấp một khối lượng hàng hóa lớn từ các sản phẩm nông nghiệp (lúa gạo), ngư nghiệp (cá), tiểu thủ công nghiệp (vải vóc, hàng sơn, đồ sứ, chế phẩm kim loại...) và nhất là những sản vật thiên nhiên (như các loại gỗ quý, hương liệu, gia vị, đá quý, ngọc trai, sừng tê, cánh kiến, thiếc...). Thị trường hàng hóa phong phú đó đã có sức thu hút lớn đối với khách thương của nhiều nước trên thế giới đổ xô đến đây để trao đổi và buôn bán sản phẩm

Trên lĩnh vực văn hóa, đây cũng là giai đoạn phát triển rực rỡ của nền văn hóa dân tộc. Sau một thời kỳ vừa đấu tranh gìn giữ bản sắc riêng vừa tiếp thu và chọn lọc các giá trị văn hóa từ bên ngoài, Đông Nam Á bước vào giai đoạn phục hưng văn hóa với mục tiêu và nội dung chính là sự khẳng định ý thức dân tộc. Những nền văn hóa tiêu biểu như Ăngco, Pagan, Sri Vijaya, Brobudur, Chăm-pa, Đại Việt... không chỉ là niềm tự hào của các dân tộc Đông Nam Á, mà ở những mức độ nhất định đã đóng góp vào kho tàng văn hóa của nhân loại những giá trị văn hóa - tinh thần độc đáo.

Cũng trong giai đoạn này, mối quan hệ giữa các nhà nước dân tộc cũng được thiết lập ngày càng chặt chẽ. Trong quá trình khẳng định ý thức dân tộc của mình, giữa các vương triều lễ dĩ nhiên không tránh khỏi có những xung đột, va chạm quyền lợi, thậm chí có khi biến thành xung đột vũ trang. Song, về cơ bản nhân dân các nước Đông Nam Á vẫn sát cánh bên nhau cùng xây dựng một Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng. Tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa nhân dân Việt với nhân dân Đông Nam Á nhằm chống lại các cuộc xâm lược của đế quốc Nguyên vào thế kỷ XIII là một trong những bản anh hùng ca tiêu biểu cho mối quan hệ mật thiết đó.

6- Sau một thời kỳ phát triển thịnh đạt, từ cuối thế kỷ XV, các vương triều phong kiến Đông Nam Á bước vào giai đoạn suy thoái. Sự suy thoái này là kết quả tất yếu của sự vận động theo đúng quy luật khách quan lịch sử: chế độ phong kiến khi đã phát triển đến đỉnh cao của nó cũng là lúc nó bắt đầu bộc lộ những mâu thuẫn đối kháng không thể điều hòa nổi trong lòng chế độ đó. Tính chất bảo thủ, trì trệ của quan hệ sản xuất phong kiến, sự tiêu hao sức lực của nhà nước cho những cuộc chiến tranh nhằm xác định lãnh thổ và quyền lực là những nguyên nhân bên trong của sự suy thoái đó. Nhưng, nhân tố có ý nghĩa quyết định dẫn tới sự suy sụp của các quốc gia phong kiến trong khu vực lại chính là sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây diễn ra từ thế kỷ XVI và trong suốt các thế kỷ đó cho đến đầu thế kỷ XX. Tuy ở mỗi nước, sự thiết lập ách thống trị của chủ nghĩa tư bản phương Tây diễn ra sớm, muộn khác nhau, tính chất cai trị cũng khác nhau, nhưng về cơ bản cho đến cuối giai đoạn này hầu hết các nước Đông Nam Á đều bị lệ thuộc hoặc bị biến thành thuộc địa của các nước tư bản

phương Tây. Số phận lịch sử một lần nữa lại cố kết các dân tộc Đông Nam Á vào một sứ mệnh thiêng liêng: Đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành lại nền độc lập dân tộc. Trong cuộc đấu tranh đó, các dân tộc Đông Nam Á đã tận dụng ngay chính những thành tựu mới của văn hóa phương Tây để vừa bồi bổ thêm cho văn hóa của chính mình, vừa làm vũ khí chống lại âm mưu thôn tính và chia cắt lâu dài nền độc lập và thống nhất ở Đông Nam Á của các thế lực thực dân.

7- Từ sau chiến tranh thế giới lần thứ II, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ, các nước Đông Nam Á dần dần thoát khỏi sự đô hộ của chủ nghĩa thực dân.³

Cũng từ sau chiến tranh thế giới thứ II, dưới tác động của chiến tranh lạnh và “Trật tự thế giới hai cực Yanta”, Đông Nam Á bị tách thành hai nhóm: Nhóm nước Đông Dương và nhóm nước ASEAN. Hai nhóm nước này lựa chọn con đường phát triển đất nước theo hai hướng khác nhau (Nhóm nước Đông Dương, trước hết là Việt Nam, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhóm nước ASEAN lại lựa chọn con đường phát triển tư bản chủ nghĩa). Sự khác biệt trong đường lối phát triển giữa hai nhóm nước đã khiến cho mối quan hệ giữa các nước Đông Nam Á không khỏi có những căng thẳng, thậm chí đối đầu. Điều này đã có ảnh hưởng không ít đến lợi ích của mỗi quốc gia cũng như của cả khu vực. Lễ dĩ nhiên, trong giai

³ Mở đầu bằng việc Nhân dân Việt Nam vùng dậy làm cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thiết lập nên dân chủ cộng hòa. Cách mạng Tháng Tám cũng đã diễn ra ở Indonesia, và cho đến giữa thập niên 80 tất cả các quốc gia Đông Nam Á đều đã giành được nền độc lập trọn vẹn.

đoạn này cái nền chung của sự tương đồng vẫn tiếp tục tồn tại, nhưng khoảng cách mới được tạo ra không phải nhỏ.

Tuy nhiên, tính chất căng thẳng, đối đầu giữa các nước Đông Nam Á diễn ra không lâu. Tình trạng này đã nhanh chóng kết thúc cùng với sự kết thúc của chiến tranh lạnh và sự sụp đổ của “thế giới hai cực Yanta” vào cuối thập niên 80. Xu thế đối thoại và hợp tác diễn ra trên phạm vi toàn cầu đã góp phần làm thay đổi tư duy chính trị của các nước trong khu vực và thúc đẩy họ xích lại gần nhau. Khép lại quá khứ, hướng tới tương lai, kể từ những năm cuối của thập niên 80, các quốc gia Đông Nam Á đều có chung một mục tiêu: biến khu vực Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình ổn định và phát triển. Hơn bao giờ hết, Đông Nam Á hiện tại đang ở vào thời kỳ sôi động nhộn nhịp nhất của sự hợp tác và thiết lập các mối quan hệ song phương, đa phương. Tinh thần “Thống nhất trong đa dạng” lại càng được khẳng định mạnh mẽ khi tất cả các nước Đông Nam Á đều tự nguyện đứng vào một tổ chức chung của khu vực: Tổ chức ASEAN. Ý thức tự cường dân tộc, tự cường khu vực được xem là yếu tố năng động nhất hiện nay của “một gia đình các nước Đông Nam Á được ràng buộc với nhau bằng những sợi dây đầy tình hữu nghị, thiện chí, thấm nhuần những lý tưởng và nguyện vọng của chúng ta, quyết tâm tạo lập được xã hội của chúng ta”.⁽⁴⁾

⁴ Lời tuyên bố của Phó Thủ tướng Malaysia Tun Abdun Razak, trích từ ASEAN hình thành, phát triển và triển vọng; Ban Châu Á-Thái Bình Dương, Viện Quan hệ Quốc tế, 1995, tr 6.

II. TÍNH TẤT YẾU CỦA MỐI BANG GIAO VIỆT NAM - ĐÔNG NAM Á

1- Từ sự khái quát trên đây, rõ ràng từ rất sớm Đông Nam Á đã là một khu vực lịch sử - văn hóa, một chỉnh thể được sản sinh trong một môi trường và điều kiện lịch sử cụ thể: có chung một không gian địa lý, một cội nguồn văn hóa, một hệ thống giá trị và cùng chung một thân phận lịch sử. Do vậy, mối liên hệ giữa các nước Đông Nam Á, cũng như khu vực này với thế giới, đã được xác lập từ rất sớm, ngay từ thời cổ đại, hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên. Cơ sở lịch sử của mối bang giao Việt Nam - Đông Nam Á cũng đã được thiết lập từ đó.

Về mặt lý luận: Xuất phát từ nguyên lý: Có con người là có văn hóa, là một trong những cái nôi của loài người, ít nhất từ hàng mấy chục vạn năm cách đây những mối giao lưu văn hóa đầu tiên đã xuất hiện trên khu vực này. Khi những tổ chức xã hội của con người ngày càng hoàn thiện thì sự biệt lập của cộng đồng người trong buổi đầu của thời nguyên thủy sẽ ngày càng bị giảm dần, yêu cầu phát triển sản xuất, mở rộng phạm vi giao tiếp, do đó, sẽ càng được tăng cường. Đến giai đoạn cận đại, những cuộc phát kiến địa lý, sự phát triển của kinh tế hàng hóa và sự xác lập của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã làm xích gần các lục địa, các khu vực vốn cách xa về địa lý, biệt lập trong mối quan hệ xã hội. Mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc, do đó, càng trở nên gắn bó mật thiết.

Về mặt thực tiễn: Truyền thống làm ruộng nước, lối cư trú quần tụ trong các xóm làng và đặc biệt là nhu cầu phải thường xuyên tập hợp lực lượng để chống đỡ các cuộc

xâm lược của kẻ thù bên ngoài, đã buộc các dân tộc Đông Nam Á sớm cố kết cùng nhau trong một mối dây đoàn kết tương thân, tương trợ để cùng tồn tại và phát triển.

2- Việt Nam là một nước thuộc Đông Nam Á, mối bang giao giữa Việt Nam và Đông Nam Á là một tất yếu khách quan.

Nằm trọn ở phần Đông của bán đảo Đông Dương, trong vành đai nóng với chiều dài hơn 15 vĩ tuyến (từ 8°30' Bắc đến 23°22' Bắc), diện tích khoảng 330.000km² với bờ biển dài khoảng 3.300km và đường biên giới chung với các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia, dài khoảng hơn 3.800km, Việt Nam có một vị trí chiến lược hết sức quan trọng trên trục giao thông Đông - Tây thông qua con đường Hồ tiêu và con đường Tơ lụa trên cả đất liền và trên biển. Vì vậy, từ rất sớm Việt Nam đã trở thành một trong những nơi dừng chân của các thương nhân trên con đường thương mại Bắc - Nam, Tây - Đông và ngược lại. Lợi dụng các đợt gió mùa định kỳ hàng năm, thương nhân Ấn Độ, Ceylan, Java, Palembang, v.v... thường giong buồm đến Óc-eo, Đông Dương, Giao Chỉ, v.v... Tại đó, họ lập các thương điểm để thu mua, tích trữ và chế biến hàng hóa để đưa sâu vào lục địa, tới Trung Quốc, và ngược lại đưa hàng hóa từ Trung Quốc tới các nước phía Nam và, xa hơn, tới Ấn Độ, Địa Trung Hải...

Do ở vào vị trí ngã tư đường giao lưu quốc tế nên Việt Nam sớm trở thành nơi sinh trưởng, gặp gỡ và tiếp xúc giữa các cư dân thuộc nhiều thành phần nhân chủng khác nhau, cũng như nhiều luồng giao lưu văn hóa của nhiều dân tộc trên thế giới: Địa Trung Hải, Trung Cận Đông, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản và các dân tộc ở Đông Nam Á. Vì lẽ đó, cũng

có thể nói trong mối giao lưu quốc tế, Việt Nam đã trở thành nơi gặp gỡ của nhiều dân tộc và nhiều nền văn minh.

3- Trên cơ tầng lịch sử - văn hóa chung đó, Đông Nam Á ngày nay tiếp tục đóng một vị trí hết sức quan trọng về địa lý - kinh tế - chính trị chiến lược. Tất cả các quốc gia độc lập đều có những lợi ích chung trên con đường phát triển đất nước với tinh thần tự cường dân tộc và tự cường khu vực. Đông Nam Á đã thiết lập được mối quan hệ đa dạng trong cộng đồng thế giới và đang nằm trong vùng chiến lược khu vực và quốc tế của nhiều nước, nhất là các nước lớn vốn theo đuổi các mục đích không giống nhau. Đây là một thuận lợi rất lớn nhưng cũng đồng thời là một thách thức không nhỏ đối với các quốc gia trong cộng đồng Đông Nam Á. Tình hình trên lại càng đòi hỏi các nước trong khu vực xích lại gần nhau, đồng thời liên kết tất cả các nước lại trong một ASEAN thống nhất về quyền lợi và nghĩa vụ để tạo ra những yếu tố thuận lợi cho sự phát triển chung.

Câu hỏi ôn tập

1. Bang giao Việt Nam-Đông Nam Á đã được hình thành dựa trên những cơ sở nào?
2. Tại sao nói mối bang giao Việt Nam-Đông Nam Á là một tất yếu khách quan?

TÀI LIỆU THAM KHẢO – Chương 1

1. Bộ Ngoại giao – Vụ Asean : “Hiệp hội các nước Đông Nam Á” (Asean), Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
2. Bộ Ngoại giao – Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

3. Bộ Ngoại giao – vụ hợp tác kinh tế đa phương – Việt Nam hội nhập kinh tế trong xu thế toàn cầu hoá vấn đề giải pháp, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế – xã hội quốc gia: Các quốc gia và vùng lãnh thổ có quan hệ kinh tế với Việt Nam, Nhà xuất bản Thông tấn, Hà Nội, 2006.
5. Trần Thị Mai – Lịch sử bang giao Việt Nam – Đông Nam Á, Khoa Đông Nam Á học, Đại học Mở – Bán công TP.HCM, 1997.
6. Trần Quang Lâm – Nguyễn Khắc Thân – Hội nhập kinh tế Việt Nam – ASEAN những đặc trưng, kinh nghiệm và giải pháp, Nhà xuất bản Thông kê, Hà Nội, 1999.
7. Lương Ninh – Hà Bích Liên : “Lịch sử các nước Đông Nam Á” tập I – Khoa Đông Nam Á Học, Đại Học Mở - Bán công TP.HCM, 1994.
8. Lưu Văn Lợi – Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam 1945 – 1995, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, 1998.
9. Việt Nam – Đông Nam Á, quan hệ lịch sử văn hóa, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội 1993.

CHÖÔNG II

BANG GIAO VIỆT NAM - ĐÔNG NAM Á THỜI CÖ ĐẠİ VÀ TRUNG ĐẠİ

A- BANG GIAO VIỆT NAM - ĐÔNG NAM Á TRÖÖC THẾ KỶ X

I. BANG GIAO VIỆT NAM-ĐÔNG NAM Á Ở BUÖİ ĐẦU DỰNG NÖÖC

1- Bối cảnh lịch sử

Trải qua các giai đoạn phát triển của thời tiền sử trên nền tảng của “Chiếc nôi của loài người”, cho đến khoảng trên dưới một vạn năm cách đây, ở Đông Nam Á, những điều kiện thiên nhiên, kỹ thuật và xã hội đã hội đủ để đạt đến một bước nhảy vọt mới: Cuộc cách mạng đá mới - theo cách gọi của các nhà khảo cổ học. Với cuộc “Cách mạng” này nghề nông và cùng với nó là nền văn hóa xóm làng đã được khai sinh.

Ngay từ đầu thời đại đá mới, Đông Nam Á đã là một khu vực văn hóa có sắc thái riêng, đó là cuộc sống định cư ngày càng ổn định trong cấu trúc làng mạc, là xu hướng tiến xuống vùng thung lũng và châu thổ của các con sông. Trong phương thức kiếm sống, mặc dù việc khai thác nguồn lợi thiên nhiên (săn bắt, hái lượm) vẫn tiếp tục tồn tại, song, bên cạnh đó, cư dân ở đây đã biết trồng trọt các loại hình vườn cây ăn củ và ăn quả, biết thuần hóa một số gia súc như chó, lợn, v.v...

Đến cuối thời đá mới, với những lưỡi cuốc, lưỡi rìu đá tứ giác, bầu dục, có vai, có nấc, nền nông nghiệp trồng trọt đã đạt được những thành tựu lớn. Vào giai đoạn này, cư dân Đông Nam Á đã biết thuần hóa cây lúa hoang, mở ra một nền nông nghiệp trồng lúa đặc sắc trên toàn miền. Niên đại lúa trồng xưa nhất được biết ở Việt Nam và Đông Nam Á là vào khoảng 6000 cho đến 5000 năm trước công nguyên. Nghề trồng lúa phát triển dẫn tới việc định canh, định cư và nhu cầu mở rộng mối quan hệ giữa các cá nhân trong xã hội. Nguyên lý tổ chức xã hội theo thị tộc huyết thống (Cây gia